

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ các Điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 30 tháng 9 năm 2024 về việc các đương sự đã thật sự tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 99/2023/TLST - KDTM ngày 19 tháng 12 năm 2023.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 30 tháng 9 năm 2024 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP S (S1)**

Địa chỉ trụ sở: **Số G, đường T, quận H, thành phố Hà Nội;**

Đại diện theo pháp luật: Bà **Ngô Thu H** – Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn Q** – chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách khách hàng cá nhân

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông **Nguyễn Duy H1** – Chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách **phòng G** (Theo Giấy ủy quyền số 13/VBUQ-SHB.NA) ngày 06/10/2023)

- Bị đơn: Ông **Phan Trung T**, sinh năm 1978 và bà **Trần Thị D**, sinh năm 1979

Đều trú tại: **xóm T, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An.**

**2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về nghĩa vụ thanh toán: Ông **Phan Trung T** và bà **Trần Thị D** có nghĩa vụ trả nợ cho **Ngân hàng TMCP S (S1)** tổng số tiền vay tạm tính đến ngày

30/9/2024 là **184.139.682** đồng (*Một trăm tám mươi tư triệu một trăm ba mươi chín nghìn sáu trăm tám mươi hai đồng*), trong đó: 21.000.000 (*Hai mươi một triệu*) đồng tiền gốc và 100.210.356 (*Một trăm triệu hai trăm mười nghìn ba trăm năm mươi sáu*) đồng tiền lãi trong hạn và 62.929.326 (*Sáu mươi hai triệu chín trăm hai mươi chín nghìn ba trăm hai mươi sáu*) đồng tiền lãi quá hạn tại Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 193/2017/HDTDTDH-CN/SHB120203 ngày 24/5/2017.

Ông **Phan Trung T** và bà **Trần Thị D** phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền phải thanh toán kể từ ngày 01/10/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 193/2017/HDTDTDH-CN/SHB120203 ngày 24/5/2017. Trường hợp trong các Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kì của ngân hàng cho vay thì lãi suất của khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

- *Về việc xử lý tài sản bảo đảm*: Ông **Phan Trung T** và bà **Trần Thị D** có nghĩa vụ thực hiện các cam kết trong Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 193/2017/HĐTC-CN/SHB.120203 ngày 24/5/2017.

Trường hợp ông **Phan Trung T** và bà **Trần Thị D** hoàn thành nghĩa vụ thanh toán khoản vay cho Ngân hàng thì Ngân hàng có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông bà bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 352728 do **UBND huyện D** cấp ngày 10/8/2010 cho ông **Phan Trung T** và bà **Trần Thị D**.

Trường hợp ông **Phan Trung T** và bà **Trần Thị D** không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho **Ngân hàng S1** thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Diễn Châu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất 1772; tờ bản đồ 2, diện tích 320 m<sup>2</sup> đất tại **xóm T, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An** theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 352728 do **UBND huyện D** cấp ngày 10/8/2010 cho ông **Phan Trung T** và bà **Trần Thị D** để thu hồi nợ. Hiện trạng thửa đất và tài sản gắn liền trên đất được thể hiện chi tiết tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 19/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

Trường hợp số tiền thu từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết nợ thì ông **Phan Trung T** và bà **Trần Thị D** vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho phía nguyên đơn.

- *Về chi phí tố tụng*: **Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh N** đã nộp đủ và thỏa thuận chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

- *Án phí*: Ông **Phan Trung T** và bà **Trần Thị D** thỏa thuận nộp 9.206.984 đồng

(Chín triệu hai trăm linh sáu nghìn chín trăm tám mươi tư đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho **Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh N** số tiền tạm ứng án phí 6.387.880 đồng (Sáu triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn tám trăm tám mươi đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011109 ngày 18/12/2023.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Diễn Châu;
- Cơ quan T.H.A.D.S Diễn Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Thẩm phán**

**Nguyễn Danh Hùng**

